



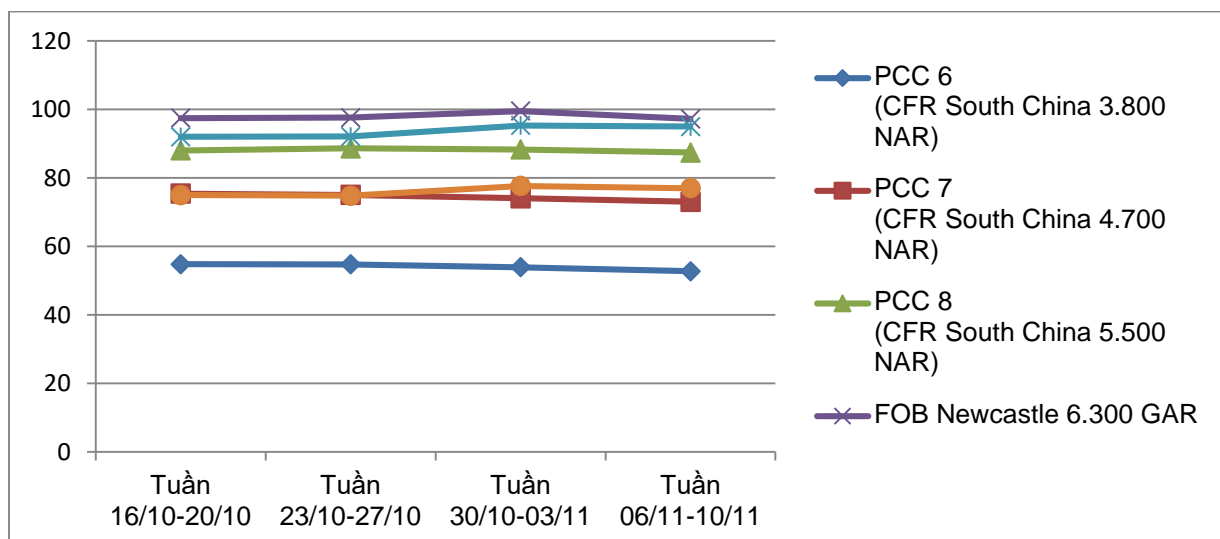
BẢN TIN THAN TUẦN 2 - THÁNG 11
(Từ 06/11 – 10/11/2017)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 16/10-20/10	Tuần 23/10-27/10	Tuần 30/10-03/11	Tuần 06/11-10/11
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	54,83	54,77	53,93	52,74
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	75,44	75,06	74,09	73,06
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	88,07	88,67	88,32	87,46
FOB Newcastle 6,300 GAR	97,47	97,63	99,54	97,26
CIF ARA 6,000 NAR	92,01	92,1	95,34	95,03
FOB Richards Bay 5,500 NAR	75,03	74,84	77,65	77,01
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	98,13	97,46	99,11	98,99



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 2 tháng 11 (2017)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

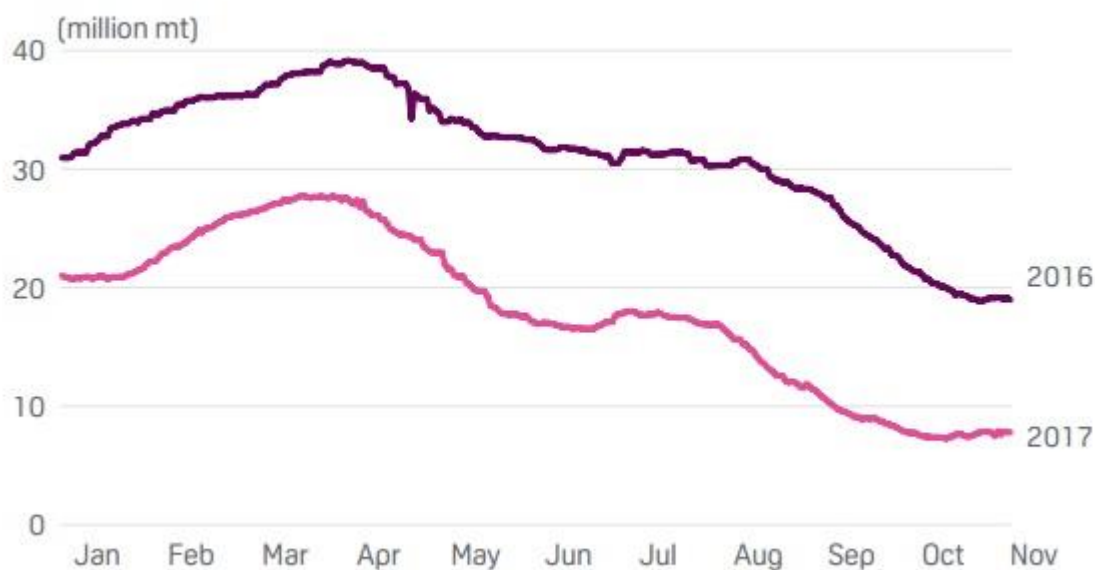
	Cước vận tải tuần 2 tháng 10	06/11	07/11	08/11	09/11	10/11
Tàu Capesize (150,000 tấn)						
1	Úc – Trung Quốc	9,25	9,40	10,15	10,15	10,05
2	Queensland – Nhật Bản	11,00	11,25	11,85	11,85	11,75
3	New South Wales – Hàn Quốc	11,35	11,60	12,20	12,20	12,10
Tàu Panamax (70,000 tấn)						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	12,70	12,50	12,50	12,45	12,45
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	9,00	8,90	8,90	8,65	8,40
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	12,90	12,70	12,70	12,65	12,65
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	7,60	7,50	7,50	7,25	7,00
5	Úc - Trung Quốc	12,30	12,30	11,75	11,70	11,10
6	Úc - Ấn Độ	14,00	14,00	13,90	13,75	13,00

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Lượng than lưu trữ tại kho của các nhà máy nhiệt điện Ấn Độ giảm 76.000 tấn

INDIA COAL STOCKS



Source: Central Electricity Authority

Lượng than nhiệt dự trữ tại kho các NMNĐ tại Ấn Độ giảm nhẹ 1% xuống còn 7,8 triệu tấn trong tuần từ 2/11 – 9/11, từ mức 7,87 triệu tấn trong tuần trước đó và giảm 58,9% so với cùng kỳ năm ngoái – theo dữ liệu từ Central Electricity Authority công bố hôm 10/11. Lượng than lưu trữ tại các kho đủ cung cấp cho 6 ngày vận hành, với số lượng NMNĐ trong diện khẩn cấp và rất khẩn cấp tăng lên 25 NMNĐ từ con số 22 NMNĐ một tuần trước đó. Lượng than nhập khẩu dự trữ tại các kho tăng lên 304.000 tấn từ mức 293.000 tấn trong tuần trước đó, giảm xuống còn 269.000 tấn vào ngày 7/11, lượng than lưu kho thấp nhất kể từ tháng 6/2012.

Thống kê lượng than nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 10

Nguồn gốc	Nhập khẩu (tấn)	So với tháng trước (%)	So với năm trước (%)
Indonesia	505.942	-10,48	118,07
Australia	227.075	37,77	-54,43
Nga	205.334	3,69	-21,68
Trung Quốc	142.979	128,42	58
Các thị trường còn lại	176.474	N/A	N/A
Tổng cộng	1.257.804	22,81	7,43

(Nguồn : Dữ liệu hải quan)

Lượng than nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 10 tăng 7% so với cùng kỳ năm ngoái

Trong tháng 10, Việt Nam đã nhập khẩu 1,26 triệu tấn than, tăng 22,81% so với tháng 9 và 7,4% so với cùng kỳ năm ngoái – theo dữ liệu từ hải quan công bố hôm 8/11. Indonesia là nhà cung cấp lớn nhất trong tháng với 505.942 tấn, tăng 118,1% so với cùng kỳ năm ngoái, tiếp theo là Australia và Nga. Từ tháng 1 đến tháng 10, Việt Nam đã nhập khẩu 11,65 triệu tấn than, tăng 0,9 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó Indonesia, Australia và Nga cung cấp lần lượt 4,51 triệu tấn, 3,07 triệu tấn và 2,04 triệu tấn.

Sản lượng than của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm đạt 31,48 triệu tấn, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm 2016, theo dữ liệu từ Tổng cục Thống kê công bố hôm 29/10. Dữ liệu thực tế trong tháng 10 và dữ liệu từ tháng 1 – tháng 10 sẽ được công bố vào ngày 29/11. Trong khi đó, Việt Nam cũng xuất khẩu 119.703 tấn than trong tháng 10, tăng 24,3% so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu vận chuyển đến Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc và Malaysia. Trong khoảng từ tháng 1 – tháng 10, Việt Nam đã xuất khẩu 1,64 triệu tấn than, tăng 106,5% so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu đến Nhật Bản (790.294 tấn), Malaysia (172.348 tấn), Thái Lan (121.610 tấn), Hàn Quốc (100.233 tấn).

Trong khoảng từ năm 2017 – 2020, Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam Vinacomin đã lên kế hoạch xuất khẩu 2 triệu tấn/năm loại than chất lượng cao – theo đại diện của công ty cho biết trong một buổi seminar tại Hà Nội tháng 6 vừa qua. Hầu hết than khai thác của Việt Nam được sử dụng trong nước phục vụ ngành điện, xi măng và các ngành công nghiệp khác.

Lượng than nhiệt giao dịch phái sinh tại Atlantic giảm trong tháng 10

Khối lượng than giao dịch tại thị trường than nhiệt Atlantic đạt tổng cộng 89,6 triệu tấn trong tháng 10, giảm 6% so với tháng trước và 54% so với cùng kỳ năm ngoái, theo dữ liệu công bố hôm thứ 6 tuần trước bởi Hiệp hội Năng lượng Luân Đôn (London Energy Brokers' Association). Khối lượng giao dịch tại thị trường Châu Âu – theo điều kiện CIF ARA trong tháng 10 đạt tổng cộng 72,1 triệu tấn, giảm 6% so với tháng trước và 43% so với cùng kỳ năm ngoái. Sản lượng than Nam Phi – Richard Bay giao dịch trên thị trường trong tháng 10 đứng ở mức 6,9 triệu tấn, giảm 14% so với tháng trước và 52% so với cùng kỳ năm ngoái. Tại thị trường tương lai kỳ hạn Australia – Newcastle đã tăng 2% so với tháng trước đạt 10,5 triệu tấn, nhưng lại giảm 81% so với cùng kỳ năm ngoái.

(Nguồn: Platts)